**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

#### Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

--------------------

## BIÊN BẢN THOẢ THUẬN HỢP TÁC BÁN HÀNG

***Số: «contractNumber»***

* *Căn cứ Bộ luật Dân sự của nước CHXHCN Việt Nam;*
* *Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của mỗi bên;*

*Biên bản Thoả thuận Hợp tác này được lập vào ngày «signedDate» tháng «signedDate» năm «signedDate» giữa:*

**BÊN A: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

Địa chỉ :

Điện thoại :

Tài khoản số :........................ mở tại

Mã số thuế : ………………

Đại diện bởi :.............................Chức vụ:………………..

(Giấy uỷ quyền số …….. ngày ………của Tổng Giám đốc Tổng Công ty).

**BÊN B: Ông/ bà «employeeName»**

Năm sinh: «birthDate»

CMND/CCCD **số**: «personalIdNumber»

Ngày cấp: «personalIdIssuedDate» Nơi cấp: «personalIdIssuedPlace»

Nơi đăng ký HKTT: «permanentAddress»

Chỗ ở hiện tại: «currentAddress»

Điện thoại: «mobileNumber»

Mã số thuế: «taxNumber»

Sau đây, hai bên đồng ý ký kết Biên bản thoả thuận hợp tác bán hàng (sau đây được gọi là “**Thoả thuận Hợp tác**”) với các điều kiện và điều khoản như sau:

**ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

|  |  |
| --- | --- |
| 1.1 | “Bên A” được hiểu là Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel và cá Chi nhánh của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel. |
| 1.2 | “Sản phẩm/dịch vụ” là các loại hàng hóa bên A cung cấp ra thị trường tại từng thời kỳ. |
| 1.3 | “Giá sản phẩm/dịch vụ” là giá bán các sản phẩm/dịch vụ do bên A quy định. |
| 1.4 | “Khách hàng” trong Thoả thuận Hợp tác này là các cá nhân/ tổ chức có nhu cầu mua Sản phẩm/dịch vụ do Bên B tìm kiếm. |
| 1.5 | “Đơn hàng hoàn tất” là đơn hàng khách hàng đặt mua, khách hàng đã nhận hàng, thanh toán đầy đủ cho Bên A và được Hệ thống phần mềm đối soát thông tin bán hàng đã ghi nhận hoàn thành. |
| 1.6 | “Phí bán hàng” là khoản tiền do Bên A trả cho Bên B khi Bên B thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo Thoả thuận Hợp tác này và các đơn hàng hoàn tất. |
| 1.7 | “Hệ thống phần mềm đối soát thông tin bán hàng”: là hệ thống phần mềm ghi nhận thông tin bán hàng của Bên B do Bên A xây dựng bao gồm nhưng không giới hạn: ứng dụng/phần mềm trên điện thoại di động, trên máy tính… |
| 1.8 | “Viettelpay”: được hiểu là phần mềm ngân hàng số phát triển bởi Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội. |
| 1.9 | “Phụ lục” là phần không thể tách rời của Thoả thuận Hợp tác, quy định nội dung chi tiết hoặc sửa đổi các điều khoản/điều kiện của Thoả thuận Hợp tác này. |

**ĐIỀU 2: PHẠM VI THOẢ THUẬN HỢP TÁC**

|  |  |
| --- | --- |
| 2.1. | Nội dung, phạm vi hợp tác: |
| - | Bên B đồng ý hợp tác với Bên A để thực hiện các công việc sau:   |  |  | | --- | --- | | + | Tìm kiếm, phát triển hệ thống khách hàng cho Bên A. | | + | Tiếp thị, tư vấn, giới thiệu các sản phẩm/dịch vụ của Bên A đến khách hàng. | | + | Hướng dẫn khách hàng thủ tục mua, thanh toán sản phẩm/dịch vụ của Bên A. | |
| - | Hai Bên sẽ thống nhất chi tiết từng công việc với nhau theo thông tin liên lạc quy định tại Điều 8 Thoả thuận Hợp tác. |
| - | Phương thức hợp tác: Bên B chủ động sắp xếp thời gian, địa điểm để thực hiện công việc. Bên A phối hợp với Bên B theo yêu cầu của Bên B (vì mục đích thực hiện công việc). |
| 2.2. | Giá bán sản phẩm/dịch vụ: |
| - | Giá bán sản phẩm/ dịch vụ theo quy định của Bên A. Khi có sự thay đổi về giá sản phẩm/dịch vụ, Bên A sẽ thông báo cho bên B bằng văn bản/email hoặc thông qua các ứng dụng như zalo, viber, whatsapp (theo số điện thoại của Bên B) quy định tại Điều 8 Thoả thuận Hợp tác này trước khi áp dụng ít nhất một (01) ngày hoặc niêm yết giá tại trụ sở làm việc của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm chủ động cập nhật thường xuyên giá bán sản phẩm/dịch vụ để cung cấp giá bán tới khách hàng. |

**ĐIỀU 3: PHÍ BÁN HÀNG**

- Mức phí bán hàng mà Bên B được hưởng theo chính sách của Bên A.

- Hai bên đồng ý rằng dữ liệu kết quả công việc của Bên B trên Hệ thống phần mềm đối soát thông tin bán hàng được dùng để xác định Phí bán hàng của Bên B.

- Bên A sẽ thanh toán cho Bên B kể từ ngày Đơn hàng hoàn tất (sau khi đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân và các khoản phải thu khác của Bên B theo quy định của pháp luật). Thủ tục, thời gian thanh toán thực hiện theo chính sách của Bên A từng thời kỳ.

- Để thuận tiện, Bên B đồng ý nhận tiền thông qua Số điện thoại đăng ký tài khoản ViettelPay như sau:

* Tên người hưởng: «viettelPayName»
* Số điện thoại nhận tiền: «viettelPayNumber»

Số điện thoại nhận tiền này là duy nhất, nếu Bên B muốn thay đổi số điện thoại nhận tiền thì hai bên phải ký phụ lục Thoả thuận Hợp tác trước khi thực hiện.

**ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

|  |  |
| --- | --- |
| 4.1. | Bên A có trách nhiệm hướng dẫn, cung cấp thông tin cho Bên B liên quan đến tính chất, đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm, hệ thống tiêu chuẩn chất lượng và các thông tin khác cần thiết nhằm tạo điều kiện cho Bên B thực hiện công việc. |
| 4.2. | Bằng chi phí của mình, bên A chịu trách nhiệm vận chuyển sản phẩm/dịch vụ đến địa điểm của khách hàng. |
| 4.3. | Trong quá trình phối hợp với Bên B, nếu Bên A nhận thấy Bên B không thực hiện đúng các nghĩa vụ của Thoả thuận Hợp tác trong quá trình bán hàng, Bên A được quyền áp dụng các chế tài phạt vi phạm Thoả thuận Hợp tác hoặc yêu cầu bồi thường thiệt hại bao gồm nhưng không giới hạn các khoản chi phí phải trả cho khách hàng hoặc bên thứ 3 có liên quan. |
| 4.4. | Xuất hóa đơn cho khách hàng theo đúng quy định của pháp luật và thanh toán phí bán hàng cho Bên B theo đúng quy định của Thoả thuận Hợp tác này. |
| 4.5. | Cung cấp các quy định, quy trình do Bên A ban hành liên quan đến hoạt động bán sản phẩm, dịch vụ và được quy định các điều kiện Bên B phải đáp ứng để được hưởng Phí bán hàng theo quy định tại Thoả thuận Hợp tác này. |
| 4.6. | Không chịu trách nhiệm về các tranh chấp, hậu quả do Bên B gây ra với khách hàng hoặc Bên thứ ba trong quá trình Bên B thực hiện Thoả thuận Hợp tác này, trường hợp pháp luật quy định Bên A phải tham gia thì Bên B phải thanh toán cho Bên A mọi chi phí mà Bên A đã bỏ ra ngay khi Bên A có yêu cầu. |
| 4.7. | Không giải quyết bất cứ trường hợp khiếu kiện nào liên quan đến thanh toán Phí bán hàng sau khi Bên A đã chuyển tiền cho Bên B. |
| 4.8. | Khấu trừ thuế thu nhập cá nhânvà các khoản phải thu khác trước khi thanh toán phí bán hàng cho Bên B theo quy định pháp luật. |
| 4.9. | Có quyền đơn phương chấm dứt Thoả thuận Hợp tác khi không còn nhu cầu hợp tác và hoàn tất nghĩa vụ thanh toán phí bán hàng cho Bên B. |

**ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

5.1. Bên B được hưởng phí bán hàng theo quy định của Thoả thuận Hợp tác.

5.2. Tự chịu trách nhiệm về pháp lý trong mọi hoạt động của mình khi thực hiện Thoả thuận Hợp tác này.

5.3. Thực hiện việc tìm kiếm khách hàng, tư vấn, chăm sóc, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ và các hoạt động khác trung thực, rõ ràng, minh bạch và theo đúng các quy trình, quy định và hướng dẫn mà Bên A cung cấp. Trường hợp Bên B vi phạm các thoả thuận của Thoả thuận Hợp tác này, Bên B đồng ý để Bên A khấu trừ các khoản chi phí bao gồm nhưng không giới hạn phạt vi phạm Thoả thuận Hợp tác, bồi thường thiệt hại…trước khi thanh toán phí bán hàng.

5.4. Bên B cam kết cung cấp chính xác các thông tin của mình cho Bên A để phục vụ cho việc kiểm tra, đối soát và thanh toán; Thực hiện đầy đủ các nội dung công việc đã cam kết trong Thoả thuận Hợp tác này.

5.5. Sử dụng Hệ thống phần mềm do Bên A cung cấp để hỗ trợ Bên B cập nhật thông tin bán hàng theo đúng hướng dẫn.

5.6. Tổng hợp, thông báo và cung cấp cho Bên A các yêu cầu, ý kiến, góp ý của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ của Bên A (nếu có).

5.7. Không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác các thông tin về bí mật kinh doanh, thông tin của khách hàng sử dụng sản phẩm/dịch vụ của Bên A khi chưa nhận được sự đồng ý của Bên A trong suốt quá trình thực hiện Thoả thuận Hợp tác và tối thiểu trong vòng 05 năm kể từ ngày Thoả thuận Hợp tác chấm dứt.

5.8. Không được chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền, nghĩa vụ của mình theo Thoả thuận Hợp tác này cho người khác dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của Bên A.

5.9. Ký các biên bản, xác nhận hoặc các văn bản, giấy tờ khác liên quan đến thanh quyết toán phí bán hàng, công nợ theo đúng quy định pháp luật và/hoặc theo yêu cầu của Bên A (nếu có).

5.10. Hoàn trả lại Bên A các tài sản (nếu có) của Bên A mà Bên B đã nhận để thực hiện Thoả thuận Hợp tác, danh sách, thông tin khách hàng có được trong quá trình thực hiện Thoả thuận Hợp tác khi có yêu cầu của Bên A.

5.11. Trường hợp phát sinh các khiếu nại cần giải quyết nhanh chóng để không làm ảnh hưởng đến uy tín của bên A, Bên B sẽ tiếp nhận giải quyết các khiếu nại của các khách hàng đồng thời thông báo ngay cho Bên A để có phương án giải quyết phù hợp.

5.12. Bên B sẽ bị phạt vi phạm và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A nếu làm ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu Bên A; sử dụng hình ảnh, nhận diện, thương hiệu của Bên A ngoài phạm vi quy định tại hợp đồng này hoặc sử dụng khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

5.13. Tự chịu các khoản phí, chi phí (nếu có) trong quá trình thực hiện Thoả thuận Hợp tác.

5.14. Bên B chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A tất cả thiệt hại Bên A phải gánh chịu do sự vi phạm nghĩa vụ của Bên B quy định trong Thoả thuận Hợp tác này. Trong vòng 03 ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo về việc vi phạm và số tiền mà Bên B phải bồi thường cho Bên A mà Bên B không phản hồi thì Bên B được coi là đồng ý với yêu cầu của Bên A và Bên A được quyền khấu trừ số tiền này trong đợt thanh toán kế tiếp cho Bên B.

**ĐIỀU 6: CHẤM DỨT, THANH LÝ THOẢ THUẬN HỢP TÁC**

6.1. Chấm dứt Thoả thuận Hợp tác: Thoả thuận Hợp tác chấm dứt trong các trường hợp sau đây

|  |  |
| --- | --- |
| 6.1.1. | Khi hai bên thống nhất chấm dứt Thoả thuận Hợp tác. |
| 6.1.2. | Một bên muốn đơn phương chấm dứt Thoả thuận Hợp tác trước thời hạn. Trong trường hợp này, bên muốn đơn phương chấm dứt Thoả thuận Hợp tác phải gửi thông báo cho bên kia bằng một trong các hình thức sau: văn bản, tin nhắn (sms, zalo, viber, whatapps), email trước ngày dự định chấm dứt Thoả thuận Hợp tác tối thiểu 01 ngày. |
| 6.1.3. | Bên A bị phá sản, giải thể, tạm dừng hoạt động. |
| 6.1.4. | Bên B bị chết, mất năng lực hành vi dân sự, bị bắt tạm giam, tạm giữ hoặc bị kết án. |
| 6.1.5. | Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. |

6.2. Thanh lý Thoả thuận Hợp tác: Thoả thuận Hợp tác được tự động thanh lý khi chấm dứt theo các trường hợp quy định tại khoản 6.1 Điều 6 Thoả thuận Hợp tác này.

6.3. Khi Thoả thuận Hợp tác chấm dứt, các bên có nghĩa vụ giải quyết toàn bộ công nợ (nếu có).

**ĐIỀU 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

7.1. Khi xảy ra tranh chấp giữa bên A và bên B về việc thực hiện các Điều khoản trong Thoả thuận Hợp tác, hoặc bất kỳ thoả thuận nào khác giữa hai bên đều được giải quyết ưu tiên bằng thương lượng, hòa giải.

7.2. Nếu hai bên không tự giải quyết được thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết Toà án nhân dân nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn theo đúng quy định của Pháp luật.

**ĐIỀU 8: THÔNG TIN LIÊN LẠC**

8.1. Thông tin liên lạc của Bên A

* Đầu mối: CHI NHÁNH KỸ THUẬT VIETTEL «viettelBranchName» – TỔNG CTCP CÔNG TRÌNH VIETTEL
* Địa chỉ: «viettelBranchAddress»
* SĐT: «viettelBranchPhoneNumber»
* Email: «viettelBranchEmail»

8.2.Thông tin liên lạc của Bên B

Địa chỉ: «currentAddress»

SĐT: «mobileNumber»

Email: «email»

**ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

9.1.Thoả thuận Hợp tác này có hiệu lực kể từ ngày hai bên cùng ký vào Thoả thuận Hợp tác, mọi sự sửa đổi nội dung các Điều khoản của Thoả thuận Hợp tác này phải được sự đồng ý bằng văn bản giữa hai bên và bổ sung bằng Phụ lục Thoả thuận Hợp tác trừ các trường hợp không cần bằng văn bản quy định tại Thoả thuận Hợp tác này và các phụ lục/văn bản kèm theo.

9.2. Hai bên thống nhất thực hiện theo những Điều khoản đã cam kết. Thoả thuận Hợp tácnàycó hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau, bên A giữ 03 (ba) bản, bên B giữ 1 (một) bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN A** | **BÊN B** |